

Số: /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Danh mục Dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về việc kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 2060/QĐ-BGDĐT ngày 05/8/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình ở địa phương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 2003/TTr-SGDĐT ngày 16/8/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục Dịch vụ công trực

tuyển toàn trình và một phần theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, cụ thể:

Phụ lục 1. Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình: gồm 40 DVCTT toàn trình, trong đó cấp tỉnh: 27 DVCTT, cấp huyện: 13 DVCTT;

Phụ lục 2. Danh mục dịch vụ công trực tuyến một phần: gồm 69 DVCTT một phần, trong đó cấp tỉnh: 38 DVCTT, cấp huyện: 26 DVCTT và cấp xã: 05 DVCTT.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ 16 thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Danh mục Dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ bao gồm:

- 02 thủ tục Mục V – Sở Giáo dục và Đào tạo, Khoản A – cấp tỉnh, phụ lục I – Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình;

- 03 thủ tục Mục II – Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, 01 thủ tục Mục III – Lĩnh vực Hệ thống văn bằng, chứng chỉ, 01 thủ tục Mục XIII – Lĩnh vực Giáo dục tiểu học và 02 thủ tục Mục XIV – Lĩnh vực Giáo dục trung học, Khoản B – cấp huyện, phụ lục I – Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình;

- 14 thủ tục Mục IV – Sở Giáo dục và Đào tạo, Khoản A – cấp tỉnh, phụ lục II – Danh mục dịch vụ công trực tuyến một phần;

- 01 thủ tục Mục VII – Lĩnh vực Hệ thống văn bằng, chứng chỉ và 01 thủ tục Mục XXVII – Lĩnh vực Giáo dục tiểu học, Khoản B – cấp huyện, phụ lục II – Danh mục dịch vụ công trực tuyến một phần.

- 05 thủ tục Mục V – Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác, Khoản C – cấp xã, phụ lục II – Danh mục dịch vụ công trực tuyến một phần.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giáo dục và Đào tạo:

a) Trên cơ sở Danh mục Dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần tại các Phụ lục 1 và 2 ban hành kèm theo Quyết định này, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) thực hiện tái cấu trúc quy trình thực hiện các DVCTT trên Cổng dịch vụ công của tỉnh đảm bảo đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ); Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ; Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ.

b) Tổ chức ứng dụng, thực hiện có hiệu quả việc cung cấp DVCTT toàn trình và một phần; hàng năm chủ động rà soát, cập nhật, bổ sung Danh mục DVCTT toàn trình và một phần đủ điều kiện theo quy định và khi có thay đổi về thủ tục

hành chính.

c) Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn cho người dân, doanh nghiệp và các đơn vị trực thuộc quản lý về việc nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của tỉnh, Cổng dịch vụ công Quốc gia; đồng thời, đề ra các giải pháp đẩy mạnh việc nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến.

d) Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông) xem xét, điều chỉnh.

2. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan đôn đốc, theo dõi việc triển khai thực hiện Quyết định này.

b) Tăng cường bảo đảm an toàn thông tin dữ liệu của hệ thống phần mềm một cửa và Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh; theo dõi khắc phục các lỗi kỹ thuật phát sinh trong quá trình vận hành, khai thác, xử lý công việc trên hệ thống phần mềm Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, thông suốt, an toàn, hiệu quả;

c) Hướng dẫn, hỗ trợ các cơ quan, đơn vị, địa phương hoàn thiện quy trình hoặc xây dựng lại, điều chỉnh, bổ sung quy trình điện tử trên hệ thống phần mềm để thống nhất, phù hợp, đảm bảo việc triển khai thực hiện DVCTT toàn trình và một phần trên Cổng dịch vụ công tỉnh được thông suốt và hiệu quả; Thường xuyên phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tổ chức kiểm tra, rà soát đối chiếu với quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính thực hiện trên hệ thống phần mềm dịch vụ công trực tuyến của tỉnh;

d) Phối hợp, hỗ trợ các đơn vị thực hiện đồng bộ, liên thông các thủ tục hành chính cung cấp DVCTT toàn trình và một phần lên Cổng dịch vụ công quốc gia theo quy định.

e) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng, tích hợp và điều chỉnh các DVCTT toàn trình và một phần theo Điều 14 tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ theo Quyết định này lên Cổng dịch vụ công tỉnh, Cổng dịch vụ công Quốc gia.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- Bộ Nội vụ (b/c);
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH, VXNV;
- Lưu: VT. TTPVHCC. HTHG.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Huyền

PHỤ LỤC 1

Danh mục Dịch vụ công trực tuyến toàn trình

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Mã Quốc gia	Tên dịch vụ công trực tuyến	Đơn vị thực hiện
I	Lĩnh vực giáo dục trung học (02 DVCTT)		
1.	2.002478	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông	Sở Giáo dục và Đào tạo
2.	1.001088	Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học	Sở Giáo dục và Đào tạo
II	Lĩnh vực giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (08 DVCTT)		
3.	1.000729	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên	Sở Giáo dục và Đào tạo
4.	1.005143	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	Sở Giáo dục và Đào tạo
5.	1.001714	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo
6.	1.004435	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh	Sở Giáo dục và Đào tạo
7.	1.004436	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số	Sở Giáo dục và Đào tạo
8.	1.002982	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người	Sở Giáo dục và Đào tạo
9.	1.005144	Đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học	Sở Giáo dục và Đào tạo

TT	Mã Quốc gia	Tên dịch vụ công trực tuyến	Đơn vị thực hiện
10.	2.002593	Đề nghị đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo
III	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác (05 DVCTT)		
11.	1.005053	Thành lập, cho phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học	Sở Giáo dục và Đào tạo
12.	1.005043	Sáp nhập, chia, tách trung tâm ngoại ngữ, tin học	Sở Giáo dục và Đào tạo
13.	1.001000	Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	Sở Giáo dục và Đào tạo
14.	1.005061	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	Sở Giáo dục và Đào tạo
15.	2.001985	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	Sở Giáo dục và Đào tạo
IV	Lĩnh vực đào tạo với nước ngoài (6 DVCTT)		
16.	1.001492	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	Sở Giáo dục và Đào tạo
17.	1.001499	Phê duyệt liên kết giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo
18.	1.001497	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo
19.	1.001496	Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết	Sở Giáo dục và Đào tạo
20.	1.000939	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Sở Giáo dục và Đào tạo
21.	1.001493	Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Sở Giáo dục và Đào tạo
V	Lĩnh vực thi, tuyển sinh (04 DVCTT)		
22.	1.005090	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	Sở Giáo dục và Đào tạo
23.	1.005098	Xét đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông	Sở Giáo dục và Đào tạo
24.	1.005095	Phúc khảo bài thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Sở Giáo dục và Đào tạo
25.	1.009394	Đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển	Sở Giáo dục và Đào tạo

TT	Mã Quốc gia	Tên dịch vụ công trực tuyến	Đơn vị thực hiện
VI	Lĩnh vực hệ thống văn bằng, chứng chỉ (02 DVCTT)		
26.	1.005092	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	Sở Giáo dục và Đào tạo
27.	1.004889	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam	Sở Giáo dục và Đào tạo

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

TT	Mã Quốc gia	Tên dịch vụ công trực tuyến	Đơn vị thực hiện
I	Lĩnh vực giáo dục mầm non (01 DVCTT)		
1	1.004494	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	UBND các huyện, thành phố
II	Lĩnh vực giáo dục tiểu học (01 DVCTT)		
2	1.005099	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	UBND các huyện, thành phố
III	Lĩnh vực giáo dục trung học (05 DVCTT)		
3	3.000182	Tuyển sinh trung học cơ sở	UBND các huyện, thành phố
4	2.001904	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	UBND các huyện, thành phố
5	1.005108	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	UBND các huyện, thành phố
6	2.002481	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	UBND các huyện, thành phố
7	2.002482	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	UBND các huyện, thành phố

TT	Mã Quốc gia	Tên dịch vụ công trực tuyến	Đơn vị thực hiện
IV	Lĩnh vực giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (06 DVCTT)		
8	1.004438	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn	UBND các huyện, thành phố
9	1.003702	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	UBND các huyện, thành phố
10	1.001622	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	UBND các huyện, thành phố
11	1.008950	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	UBND các huyện, thành phố
12	1.008951	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	UBND các huyện, thành phố
13	2.002594	Đề nghị đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện	UBND các huyện, thành phố

(Tổng cộng có 40 Dịch vụ công trực tuyến toàn trình, trong đó: cấp tỉnh: 27 DVCTT, cấp huyện: 13 DVCTT)

PHỤ LỤC 2

Danh mục Dịch vụ công trực tuyến một phần

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Mã Quốc gia	Tên dịch vụ công trực tuyến	Đơn vị thực hiện
I	Lĩnh vực giáo dục trung học (06 DVCTT)		
1.	1.005074	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo
2.	1.005067	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động trở lại	Sở Giáo dục và Đào tạo
3.	1.005070	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông	Sở Giáo dục và Đào tạo
4.	3.000181	Tuyển sinh trung học phổ thông	Sở Giáo dục và Đào tạo
5.	2.002479	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông Việt Nam về nước	Sở Giáo dục và Đào tạo
6.	2.002480	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông người nước ngoài	Sở Giáo dục và Đào tạo
II	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (04 DVCTT)		
7.	1.006388	Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp sư phạm	Sở Giáo dục và Đào tạo
8.	1.005082	Cho phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp trở lại đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	Sở Giáo dục và Đào tạo

TT	Mã Quốc gia	Tên dịch vụ công trực tuyến	Đơn vị thực hiện
9.	1.005354	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	Sở Giáo dục và Đào tạo
10.	2.001989	Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	Sở Giáo dục và Đào tạo
III	Lĩnh vực giáo dục dân tộc (01 DVCTT)		
11.	1.005081	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo
IV	Lĩnh vực giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (05 DVCTT)		
12.	1.000288	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	Sở Giáo dục và Đào tạo
13.	1.000280	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	Sở Giáo dục và Đào tạo
14.	1.000691	Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia	Sở Giáo dục và Đào tạo
15.	2.000011	Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	Sở Giáo dục và Đào tạo
16.	2.002597	Đề nghị đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp huyện	Sở Giáo dục và Đào tạo
V	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác (10 DVCTT)		
17.	1.005008	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo
18.	1.004988	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại	Sở Giáo dục và Đào tạo
19.	1.005017	Thành lập trường năng khiếu thể dục thể thao thuộc địa phương	Sở Giáo dục và Đào tạo
20.	1.005025	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo
21.	1.005025	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục trở lại	Sở Giáo dục và Đào tạo
22.	1.005036	Giải thể trung tâm ngoại ngữ, tin học (theo đề nghị của cá nhân tổ chức thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học)	Sở Giáo dục và Đào tạo
23.	1.005195	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo

TT	Mã Quốc gia	Tên dịch vụ công trực tuyến	Đơn vị thực hiện
24.	1.005359	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động trở lại	Sở Giáo dục và Đào tạo
25.	1.000181	Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	Sở Giáo dục và Đào tạo
26.	2.001987	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại	Sở Giáo dục và Đào tạo
VI	Lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục (04 DVCTT)		
27.	1.000715	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo
28.	1.000713	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo
29.	1.000711	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo
30.	1.000259	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên	Sở Giáo dục và Đào tạo
VII	Lĩnh vực đào tạo với nước ngoài (06 DVCTT)		
31.	1.000716	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Sở Giáo dục và Đào tạo
32.	1.008722	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo
33.	1.008723	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Sở Giáo dục và Đào tạo
34.	1.006446	Cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Sở Giáo dục và Đào tạo
35.	1.000718	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm	Sở Giáo dục và Đào tạo

TT	Mã Quốc gia	Tên dịch vụ công trực tuyến	Đơn vị thực hiện
		non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	
36.	1.001495	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; Cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Sở Giáo dục và Đào tạo
VIII	Lĩnh vực thi, tuyển sinh (01 DVCTT)		
37.	1.005142	Đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông.	Sở Giáo dục và Đào tạo
IX	Lĩnh vực hệ thống văn bằng, chứng chỉ (01 DVCTT)		
38.	2.001914	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	Sở Giáo dục và Đào tạo

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

TT	Mã Quốc gia	Tên dịch vụ công trực tuyến	Đơn vị thực hiện
I	Lĩnh vực giáo dục mầm non (04 DVCTT)		
1.	1.006390	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	UBND các huyện, thành phố
2.	1.006444	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	UBND các huyện, thành phố
3.	1.006445	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	UBND các huyện, thành phố
4.	1.004515	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	UBND các huyện, thành phố
II	Lĩnh vực giáo dục tiểu học (03 DVCTT)		
5.	2.001842	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	UBND các huyện, thành phố
6.	1.004552	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	UBND các huyện, thành phố

TT	Mã Quốc gia	Tên dịch vụ công trực tuyến	Đơn vị thực hiện
7.	1.001639	Giải thẻ trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	UBND các huyện, thành phố
III	Lĩnh vực giáo dục trung học (04 DVCTT)		
8.	1.004444	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	UBND các huyện, thành phố
9.	1.004475	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại	UBND các huyện, thành phố
10.	2.001818	Giải thẻ trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	UBND các huyện, thành phố
11.	2.002483	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	UBND các huyện, thành phố
IV	Lĩnh vực giáo dục dân tộc (03 DVCTT)		
12.	1.004496	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	UBND các huyện, thành phố
13.	2.001839	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục	UBND các huyện, thành phố
14.	2.001824	Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú	UBND các huyện, thành phố
V	Lĩnh vực giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (07 DVCTT)		
15.	1.005106	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	UBND các huyện, thành phố
16.	1.005097	Đề nghị đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã	UBND các huyện, thành phố
17.	1.008724	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu	UBND các huyện, thành phố

TT	Mã Quốc gia	Tên dịch vụ công trực tuyến	Đơn vị thực hiện
		giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	
18.	1.008725	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	UBND các huyện, thành phố
19.	1.005143	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	UBND các huyện, thành phố
20.	1.001714	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	UBND các huyện, thành phố
21.	1.005144	Đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học	UBND các huyện, thành phố
VI	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác (02 DVCTT)		
22.	1.004440	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	UBND các huyện, thành phố
23.	1.001000	Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	UBND các huyện, thành phố
VII	Lĩnh vực thi, tuyển sinh (01 DVCTT)		
24.	1.005090	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	UBND các huyện, thành phố
VIII	Lĩnh vực hệ thống văn bằng, chứng chỉ (02 DVCTT)		
25.	1.005092	Thủ tục cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	UBND các huyện, thành phố
26.	2.001914	Thủ tục chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	UBND các huyện, thành phố

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

TT	Mã Quốc gia	Tên dịch vụ công trực tuyến	Đơn vị thực hiện
I	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác (05 DVCTT)		
1.	1.004441	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	UBND cấp xã
2.	1.004492	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	UBND cấp xã
3.	1.004443	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	UBND cấp xã
4.	1.004485	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	UBND cấp xã
5.	2.001810	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	UBND cấp xã

(Tổng cộng có 69 Dịch vụ công trực tuyến một phần, trong đó: cấp tỉnh: 38 DVCTT, cấp huyện: 26 DVCTT, cấp xã: 05 DVCTT)